

Số: 72/QĐ-UBND

Trà Phú, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRÀ PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 6234/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 10 /NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của Hội đồng nhân dân xã Trà Phú về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024;

Trên cơ sở cuộc họp UBND xã ngày 29/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 cho các ban, ngành, đơn vị của xã và các thôn.

(chi tiết theo biểu đính kèm)

Điều 2. Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 được giao tại Điều 1 Quyết định này; các bộ phận chuyên môn UBND xã; Trưởng các ban, ngành, đơn vị của xã và các Trưởng thôn tổ chức triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Văn phòng - Thống kê xã; các bộ phận chuyên môn UBND xã; Trưởng các ban, ngành, đơn vị của xã và các Trưởng thôn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, PCT. UBND xã;
- Các Ban HĐND xã;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH xã;
- Trang TTĐT xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Hoàng

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Phú Hòa	Phú Long	Phú An	Phú Tài
	Trong đó: Bò lai	Con	1,100	271	179	296	354
	Tỷ lệ bò lai	%	83.3	83.3	83.3	83.3	83.3
	+ Đàn lợn	Con	880	400	150	125	205
	+ Đàn gia cầm	"	12,500	3,490	2,130	2,690	4,190
	+ Đàn dê	"	20	-	-	5	15
1.3	Số tiêu chí nông thôn mới	Tiêu chí	19	-	-	-	-
1.4	Ngư nghiệp						
	- Diện tích ao nuôi và các hồ chứa	Ha		-	-	-	-
	- Sản lượng thủy sản đánh bắt và nuôi trồng	Tấn		-	-	-	-
1.5	Lâm nghiệp						
	- Trồng rừng tập trung	Ha	150				
	Trong đó: + Rừng phòng hộ	Ha	-	-	-	-	-
	+ Rừng sản xuất	Ha	150	10	30	40	70
	+ Rừng gỗ lớn	Ha	-	-	-	-	-
2	Dân số - Văn hóa Xã hội						
2.1	* Y tế - Dân số						
	- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	%	4.6	4.6	4.6	4.6	4.6
	- Dân số trung bình	Người	4,812	1,427	767	973	1,698
2.2	* Giáo dục - Đào tạo						
	Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh	685	185	136	139	225
	Giáo dục Mầm non	Cháu	221	61	43	42	75
	Giáo dục Tiểu học	Học sinh	238	63	48	53	74
	Trung học cơ sở	Học sinh	226	61	45	44	76
2.3	* Giảm nghèo						
	- Số hộ nghèo giảm trong năm	Hộ	13	4	2	3	4
	- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới)	%	5.75	5.35	7.42	7.12	4.51
	- Số hộ cận nghèo giảm trong năm	Hộ	149	37	35	37	40
	- Tỷ lệ hộ cận nghèo giảm trong năm	%	13.70	15.21	11.69	13.89	13.77
2.4	* Văn hóa						
	- Tỷ lệ hộ gia đình đạt TCVH	%	97.23	97.23	97.23	97.23	97.23
	- Hộ tộc văn hóa	Hộ tộc	3.00	-	1	1	1
	- Cơ quan văn hóa	Cơ quan	1	-	-	-	-
	- Tỷ lệ thôn, tổ dân phố văn hóa	%	100	100	100	100	100
	- Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%	100	100	100	100	100
	Tỷ lệ hộ gia đình có phương tiện, nghe nhìn	%	100	100	100	100	100
3	* Môi trường						
	- Tỷ lệ hộ dân dùng nước hợp vệ sinh	%	99.5	99.5	99.5	99.5	99.5
	- Tỷ lệ hộ dân dùng nhà tiêu hợp vệ sinh tự hoại và bán tự hoại	%	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0
4	* An ninh - Quốc phòng						

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Kế hoạch	Phú Hòa	Phú Long	Phú An	Phú Tài
			năm 2024				
	- Giáo dục QP cho các đối tượng	%	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0
	- Tuyển quân	%	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0
	- Duy trì xã đạt tiêu chuẩn “An toàn về ANTT”, đạt tiêu chí vững mạnh về quốc phòng - an ninh.						